

QUY ĐỊNH

Về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49 /2026/QĐ-UBND

ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số nội dung liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Các nội dung khác có liên quan đến phòng cháy, chữa cháy rừng không quy định trong Quy định này thì áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về các quy trình kỹ thuật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài, cộng đồng dân cư thôn, làng, tổ dân phố có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng và hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Phương châm và yêu cầu trong phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Phương châm: Phòng cháy rừng là chính, chữa cháy rừng phải khẩn trương, kịp thời, triệt để và an toàn.

2. Yêu cầu trong phòng cháy, chữa cháy rừng

a) Huy động tối đa lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, công cụ hỗ trợ chuyên dùng để kịp thời triển khai chữa cháy rừng; mọi nguồn nước, chất chữa cháy phải được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy; ứng dụng hiệu quả công

nghệ số trong theo dõi, cảnh báo cháy rừng và chữa cháy rừng;

b) Hạn chế đến mức thấp nhất và loại bỏ nguồn lửa gây cháy rừng, khả năng bén lửa của vật liệu cháy, dập tắt kịp thời đám cháy khi mới phát sinh; chấm dứt nhanh sự lan tràn của đám cháy;

c) Đảm bảo an toàn tuyệt đối tính mạng, phương tiện, tài sản của Nhân dân và người tham gia chữa cháy;

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt Ủy ban nhân dân cấp xã) theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa bàn quản lý;

đ) Chủ rừng phải thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm nếu để rừng do mình quản lý bị cháy;

e) Lực lượng Công an, Quân đội các cấp có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

g) Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức dự báo cháy rừng và thông tin kịp thời các cấp dự báo cháy rừng đến các cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã có rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong suốt thời gian nắng nóng có nguy cơ cháy rừng cao.

Chương II

CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG

VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 3. Thông tin cấp dự báo cháy rừng

1. Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm

a) Hằng năm, trong thời gian nắng nóng (từ tháng 03 đến hết tháng 09), phân công công chức phụ trách làm dự báo viên có trách nhiệm cập nhật nắm chắc tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn để cập nhật dự báo, thông tin thường xuyên, liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng, các địa phương, đơn vị, chủ rừng và người dân để chủ động thực hiện công tác PCCCR. Đặc biệt khi cấp dự báo từ cấp III đến V phải kịp thời đảm bảo thông tin trong suốt thời kỳ cao điểm dễ cháy rừng và tham mưu lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm chuyển thông tin cảnh báo nguy cơ cấp cháy rừng đến các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp phát bản tin;

b) Triển khai, tổ chức các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo từng cấp dự báo;

c) Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm trực thuộc thực hiện thông tin cấp dự báo cháy rừng đến các chủ rừng, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn quản lý được biết để kịp thời triển khai các hoạt động sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy rừng.

2. Các Cơ quan, đơn vị, Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan Kiểm lâm tổ chức thông tin cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng kịp thời trên sóng phát thanh,

truyền hình thành phố và địa phương khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III trở lên.

Điều 4. Cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V; ký hiệu biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng là 1/2 hình tròn có đường kính vành ngoài 2,5 m; vành trong 1,8 m, nền trắng, xung quanh viền màu đỏ có mũi tên (quay được) chỉ cấp dự báo từ cấp I đến cấp V, trong đó:

- a) Cấp I: Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng;
- b) Cấp II: Cấp trung bình, có khả năng cháy rừng;
- c) Cấp III: Cấp cao, thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng;
- d) Cấp IV: Cấp nguy hiểm, thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh;
- e) Cấp V: Cấp cực kỳ nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng.

2. Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, đặc trưng cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy rừng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Điều 5. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

THÁNG	CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG TẠI ĐÀ NẴNG				
	I	II	III	IV	V
	CHỈ SỐ H				
3	0 - 2	3 - 10	11 - 25	26 - 39	> 39
4	0 - 2	3 - 9	10 - 20	21 - 38	> 38
5	0 - 2	3 - 8	9 - 12	13 - 26	> 26
6	0 - 2	3 - 7	8 - 11	12 - 19	> 19
7	0 - 2	3 - 6	7 - 10	11 - 18	> 18
8	0 - 3	4 - 5	6 - 9	10 - 17	> 17
9	0 - 3	4 - 11	12 - 23	24 - 41	> 41
CHỈ SỐ P	0 - 400	401 - 3400	3401 - 7800	7801 - 14000	> 14000

2. Phương pháp sử dụng bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Sử dụng một trong hai phương pháp sau đây:

a) Phương pháp áp dụng chỉ số P là chỉ tiêu tổng hợp về khả năng xuất hiện cháy rừng. Chỉ tiêu P được tính theo công thức:

$$P_i = K * \sum_{i+1}^n T_{13}^0 * D_{n13}$$

Trong đó:

P_i là chỉ tiêu tổng hợp P của ngày thứ i;

K: Hệ số điều chỉnh theo lượng mưa ngày i

Nếu $k = 0$ khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày;

Nếu $k = 1$ khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày;

T^0 : Nhiệt độ không khí lúc 13h ngày thứ i ($^{\circ}\text{C}$), giờ cao điểm dễ xảy ra cháy rừng trong ngày;

D: Độ chênh lệch bão hòa lúc 13h ngày thứ i (mb).

b) Phương pháp áp dụng chỉ số H là chỉ số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa có lượng mưa dưới 5 mm/ngày. Chỉ số H được tính theo công thức:

$$H_i = k * (H_{i-1} + 1)$$

Trong đó:

H_i là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ i (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó $H_i = i$;

H_{i-1} là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ i-1 (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó, $H_{i-1} = i-1$;

k là hệ số điều chỉnh

Nếu $k = 0$ khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày;

Nếu $k = 1$ khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày.

Điều 6. Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng các cấp

1. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp thành phố

a) Lực lượng Kiểm lâm (Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng) và lực lượng Công an thành phố (Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) là lực lượng chính; Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, các đơn vị quân đội Trung ương đóng trên địa bàn thành phố, các lực lượng khác là lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động của người có thẩm quyền;

b) Khi nhận được tin báo cháy rừng và đề nghị hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc người được ủy quyền có mặt tại hiện trường chỉ huy, chỉ đạo lực lượng chính về phòng cháy, chữa cháy rừng cấp thành phố tổ chức triển khai phối hợp với các lực lượng chữa cháy trên địa bàn cơ động nhanh đến hiện trường, ứng cứu chữa cháy kịp thời; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, bắt giữ, điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng;

c) Trong trường hợp cháy rừng lớn trên diện rộng vượt quá khả năng kiểm soát của thành phố thì bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kịp thời cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục

Lâm nghiệp và Kiểm lâm) đề nghị hỗ trợ tăng cường lực lượng, phương tiện cho địa phương tham gia chữa cháy rừng.

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã

a) Các lực lượng chính tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn xã là Hạt Kiểm lâm liên xã khu vực, lực lượng Công an cấp xã, Tổ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự xã, lực lượng dân quân tự vệ và các tổ, đội quân chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, làng, tổ dân phố, các lực lượng khác là lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động của người có thẩm quyền;

b) Khi nhận được tin báo cháy rừng hoặc đề nghị hỗ trợ chữa cháy rừng của chủ rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền có mặt tại hiện trường thực hiện chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức điều động lực lượng, phương tiện, dụng cụ, thiết bị trên địa bàn quản lý để tham gia chữa cháy rừng;

c) Trong trường hợp cháy rừng lớn trên diện rộng vượt quá khả năng kiểm soát thì bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) đề nghị hỗ trợ tăng cường lực lượng, phương tiện phối hợp chữa cháy rừng.

3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng

a) Tất cả các đơn vị chủ rừng phải thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của đơn vị và bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện và các điều kiện để duy trì hoạt động của tổ, đội phòng cháy, chữa cháy rừng trực thuộc đơn vị quản lý;

b) Khi xảy ra cháy rừng, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ huy, tổ chức điều động lực lượng, phương tiện, dụng cụ tại đơn vị tham gia chữa cháy rừng. Trong trường hợp cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát của đơn vị thì bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, chủ rừng phải báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng; đồng thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) để theo dõi, chỉ đạo, huy động lực lượng tham gia ứng cứu.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, đơn vị vũ trang đóng trong rừng hoặc có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong rừng, ven rừng phải phối hợp với nhau để thành lập các đội tình nguyện phòng cháy, chữa cháy rừng và có trách nhiệm phối hợp với các lực lượng tham gia chữa cháy trên địa bàn và chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn phòng cháy, chữa cháy rừng của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy

5. Tùy thuộc theo diễn biến của từng vụ cháy rừng có thể huy động toàn bộ lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ của các đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố để chữa cháy rừng khi có yêu cầu.

Điều 7. Hệ thống thông tin liên lạc

1. Duy trì đều đặn, thông suốt hệ thống thông tin liên lạc từ cấp thành phố

đến cấp xã, các Hạt Kiểm lâm, Trạm Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng và chủ rừng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phân công nhiệm vụ cụ thể đến các cơ quan, đơn vị tiếp nhận và xử lý thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng ở cấp mình quản lý để duy trì thông tin liên hệ và kịp thời xử lý khi có tình huống cháy rừng xảy ra.

Điều 8. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Đối tượng đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và tuyên truyền phổ biến pháp luật: lực lượng bảo vệ rừng, đội phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng; các tổ, đội quần chúng phòng cháy, chữa cháy rừng tại cơ sở, người đại diện cộng đồng dân cư, tổ dân phố, người dân sống tại khu vực gần rừng, ven rừng. Tùy theo từng đối tượng để có phương pháp đào tạo, huấn luyện và tuyên truyền phù hợp.

2. Một số nội dung chính trong đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy rừng

a) Các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và các văn bản pháp luật liên quan;

b) Trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, chủ rừng và người dân trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Các tác hại, tính chất nguy hiểm của cháy rừng; các nguyên nhân gây ra cháy và giải pháp phòng ngừa đám cháy;

d) Kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng và các ứng dụng công nghệ mới trong phòng cháy, chữa cháy rừng; hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp, quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng, báo tin khi cháy rừng xảy ra và khắc phục hậu quả của cháy rừng;

đ) Biện pháp xử lý các tình huống cháy rừng; công tác tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các chủ rừng; biện pháp sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt trong thời kỳ cao điểm xảy ra cháy rừng;

e) Năng lực chỉ huy, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

g) Xây dựng, thực tập phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; kỹ thuật cứu hộ, cứu nạn trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

h) Nội dung, phương pháp kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy rừng; kỹ năng, phương pháp vận hành sử dụng, quản lý, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng.

3. Hình thức tổ chức thực hiện: Tổ chức Hội nghị, họp chuyên đề về phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc lồng ghép với các hoạt động khác; ký cam kết thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; thông tin trên các

phương tiện đại chúng, loa phát thanh ở cơ sở, nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư sống gần rừng, ven rừng, các trang mạng xã hội; phát hành tờ rơi, xây dựng bảng tin, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển cấm lửa tại các khu rừng, khu dân cư sống gần rừng; các cuộc thi tìm hiểu về phòng cháy, chữa cháy rừng; các hình thức khác phù hợp với từng đối tượng.

4. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có rừng tổ chức hướng dẫn, xây dựng, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng, lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở, các tổ chức cá nhân, cộng đồng dân cư sống ở gần rừng, ven rừng.

5. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an thành phố có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với cơ quan Kiểm lâm thực hiện những quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Việc huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy rừng cho các lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

7. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên, học sinh, sinh viên và quần chúng Nhân dân được biết và thực hiện.

Điều 9. Quản lý sản xuất nương rẫy, hoạt động xử lý thực bì

1. Ưu tiên, khuyến khích, tuyên truyền người dân và các chủ rừng xử lý thực bì bằng các biện pháp không đốt (không sử dụng lửa).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn người dân địa phương việc sử dụng lửa trong sản xuất, canh tác, xử lý thực bì trên địa bàn quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đốt xử lý thực bì đúng thời điểm, địa điểm; tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy và chữa cháy rừng đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng, đặc biệt là các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy cao, rừng trồng các loại cây dễ cháy.

3. Kiểm lâm làm việc tại địa bàn phối hợp với các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã lập sổ theo dõi tình hình việc xử lý thực bì của người dân trên địa bàn quản lý đúng theo thời gian và địa điểm đã thông báo; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng của khu rừng đúng theo quy định.

4. Lực lượng Kiểm lâm làm việc tại địa bàn phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường kiểm tra, hướng dẫn Nhân dân sản xuất nương rẫy, kỹ thuật xử lý thực bì, hạn chế tối đa việc đốt xử lý thực bì để trồng lại rừng, khai thác rừng trồng đúng theo quy định, không để xảy ra tình trạng phá rừng trái phép làm nương rẫy.

5. Hằng năm, chủ rừng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc giảm vật liệu cháy để phòng ngừa nguy cơ cháy rừng. Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ rừng thực hiện việc giảm vật liệu cháy trên địa bàn quản lý.

6. Một số quy định cụ thể trong đốt dọn nương rẫy, sử dụng lửa để xử lý thực bì

a) Chỉ được đốt dọn trong vùng được phép làm nương rẫy, khi làm rẫy phải phát dọn toàn bộ thực bì, phơi khô và vun thành dải rộng 2 - 3m, khoảng cách các dải là 5 - 6m; dải sát bìa rừng cách xa rừng 6 - 8m;

b) Khi đốt thực bì phải đốt lúc gió nhẹ, đốt vào chiều tối hoặc sáng sớm (trước 9 giờ 00 buổi sáng và sau 16 giờ 00 buổi chiều), đốt lần lượt từng dải, thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi;

c) Trước khi đốt rẫy, xử lý thực bì, người sử dụng lửa phải thông báo với trưởng thôn, bản, tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng, Kiểm lâm làm việc tại địa bàn được biết và chỉ được phép đốt sau khi được sự kiểm tra, hướng dẫn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về đảm bảo an toàn trong phòng cháy, chữa cháy của khu rừng. Các trường hợp cố ý sử dụng lửa đốt xử lý thực bì, đốt rẫy khi chưa có sự kiểm tra và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ bị xử lý đúng theo quy định pháp luật;

d) Khi đốt phải có người canh gác và chuẩn bị đảm bảo dụng cụ chữa cháy rừng, khoảng 10 - 15m có một người gác trên dải để đề phòng và dập tắt ngay các đám lửa cháy lan, không để lửa cháy lan vào rừng, đốt xong phải kiểm tra cho đến khi lửa tắt hẳn mới ra về;

đ) Trong điều kiện thời tiết nắng nóng, khô hanh kéo dài, có thông tin dự báo cháy rừng cấp III trở lên, chính quyền địa phương phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn để người dân được biết. Trong trường hợp, thông tin dự báo cháy rừng ở cấp III đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền cho người dân hạn chế việc dùng lửa để xử lý thực bì, đốt nương rẫy; vào những ngày có thông tin dự báo nguy cơ cháy rừng ở cấp IV, cấp V thì không cho phép người dân sử dụng lửa đốt xử lý thực bì, đốt nương rẫy;

e) Một số phương pháp xử lý thực bì không sử dụng lửa áp dụng ở những nơi địa hình có độ dốc lớn hoặc khi sử dụng lửa có thể gây ra nguy cơ cháy rừng cao

Phương pháp xử lý thực bì bằng cách đẽ mục theo băng: Thực bì sau khi phát đẽ khô rụng hết lá, băm nhỏ dọn thành băng theo đường đồng mức, sao cho không ảnh hưởng đến việc làm đất trên băng trồng cây sau này;

Phương pháp xử lý thực bì bằng biện pháp băm nhỏ rãi đều đẽ mục: Thực bì sau khi phát dọn để trồng rừng và sản xuất nương rẫy, đẽ khô rụng lá sau đó được băm nhỏ rãi đều trên toàn diện tích trồng;

Phương pháp xử lý bằng biện pháp thu gom: Thực bì sau khi phát dọn để trồng rừng và sản xuất nương rẫy, đẽ khô rụng hết lá. Cành nhánh sau đó được

thu gom thành từng đồng vận chuyển đi nơi khác.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ CHỮA CHÁY RỪNG**

Điều 10. Trách nhiệm báo cháy, chữa cháy và tham gia chữa cháy rừng

1. Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy cho những người xung quanh và cho một hoặc các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- a) Chủ rừng;
- b) Tổ/Đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất;
- c) Cơ quan Kiểm lâm hoặc cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nơi gần nhất;
- d) Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất.

2. Người phát hiện cháy rừng, cơ quan, đơn vị, tổ chức, các cá nhân và hộ gia đình gần nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chữa cháy trong điều kiện, khả năng cho phép và phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

3. Chủ rừng có rừng bị cháy, Tổ/đội Phòng cháy, chữa cháy rừng nơi gần nhất, lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan liên quan có nhiệm vụ chữa cháy, tham gia chữa cháy thuộc phạm vi quản lý theo quy định; huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản theo thẩm quyền tham gia chữa cháy theo đề nghị của người chỉ huy chữa cháy.

4. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận tin báo cháy trong địa bàn quản lý hoặc nhận được lệnh điều động, quyết định huy động phải lập tức kịp thời đến chữa cháy; trường hợp thông tin báo cháy ngoài địa bàn quản lý, phải báo ngay cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng nơi xảy ra cháy để xử lý và tham gia chữa cháy rừng.

5. Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, các tổ chức đoàn thể và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia chữa cháy rừng ngay khi có yêu cầu của người có thẩm quyền hoặc người chỉ huy chữa cháy; kịp thời điều động con người và phương tiện thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy để tham gia, hỗ trợ khi được huy động.

6. Lực lượng Công an nhân dân, An ninh cơ sở tại địa phương có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng; bảo đảm an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy được lưu thông nhanh nhất.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường có diện tích giáp ranh với địa phương nơi xảy ra cháy rừng có trách nhiệm huy động lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng

dân cư thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng khi có lệnh điều động của cấp có thẩm quyền hoặc đề nghị của người chỉ huy chữa cháy.

Điều 11. Chỉ đạo, chỉ huy và huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng

Việc chỉ đạo, chỉ huy và huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng được quy định tại Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 25 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc người được ủy quyền có mặt tại hiện trường vụ cháy rừng là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền có mặt tại hiện trường vụ cháy rừng là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng khi chưa có mặt người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, cấp xã huy động, điều phối và phân công lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng; bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy rừng. Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản chữa cháy rừng phải được thể hiện bằng lệnh huy động theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 42/2026/NĐ-CP; trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động có thể bằng lời nói, nhưng trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản. Người ra lệnh phải nêu rõ yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết. Trong tình thế cấp thiết, người chỉ đạo, chỉ huy được sử dụng quyền quyết định phá, dỡ nhà, công trình, vật chướng ngại và di chuyển tài sản khi chữa cháy rừng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, cấp xã căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn.

4. Thẩm quyền chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cấp xã chưa có mặt tại hiện trường:

a) Người giữ chức vụ cao nhất của lực lượng Kiểm lâm có mặt tại hiện trường vụ cháy là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng;

b) Khi cháy rừng tại thôn, tổ dân phố mà chưa có người chỉ đạo, chỉ huy theo quy định tại điểm a khoản này thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng; trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt thì người được ủy quyền là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng;

c) Trường hợp khi chưa có người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì chủ rừng là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

5. Nhiệm vụ của người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng

a) Nhiệm vụ của người chỉ đạo chữa cháy rừng: Chỉ đạo toàn diện hoạt động chữa cháy rừng; huy động, điều phối và phân công các lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng; bảo đảm các điều kiện chữa cháy rừng như giao thông, trật tự, thông tin liên lạc, hậu cần, y tế;

b) Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy rừng: Trực tiếp điều hành các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng; tổ chức khảo sát đám cháy; xác định vị trí, hướng chữa cháy chính và việc triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị cần thiết để chữa cháy, các biện pháp để chữa cháy; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, các hoạt động hỗ trợ trong công tác chữa cháy rừng;

c) Quyết định phân chia khu vực chữa cháy và điều phối, chỉ định người chỉ huy của từng lực lượng chữa cháy rừng theo từng khu vực; phối hợp với các lực lượng tổ chức bảo vệ khu vực chữa cháy, hiện trường vụ cháy; áp dụng các biện pháp bảo vệ tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra vụ cháy, xác định nguyên nhân cháy rừng;

d) Tổ chức tập hợp lực lượng, thu hồi phương tiện trở về đơn vị khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy rừng; sau khi dập tắt đám cháy, yêu cầu phải thường xuyên kiểm tra hiện trường để đám cháy không bùng phát trở lại;

đ) Báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp quản lý hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình, diễn biến của đám cháy. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Điều 12. Nguyên tắc phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, toàn lực lượng để tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; phát huy vai trò nòng cốt của các Tổ, Đội phòng cháy, chữa cháy ở địa phương và của lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành.

2. Thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ” gồm: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

a) Người chỉ huy chữa cháy rừng tiếp nhận, xử lý thông tin, kết hợp việc quan sát diễn biến của đám cháy để quyết định truyền đạt mệnh lệnh. Lực lượng chữa cháy tập trung cao độ và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, tổ chức để đạt được hiệu quả chữa cháy;

b) Lực lượng và phương tiện chữa cháy được chia thành: Lực lượng, phương tiện thủ công; lực lượng, phương tiện cơ giới.

Lực lượng, phương tiện thủ công gồm: Kiểm lâm, Công an, Quân đội, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, dân quân địa phương và các lực lượng huy động khác cùng với dụng cụ thủ công như dao, rựa, cuốc, xẻng, thùng tưới nước, cành cây...;

Lực lượng, phương tiện cơ giới gồm: Con người với các thiết bị cơ giới như xe chữa cháy, máy bơm, máy thổi gió, cưa xăng, máy ủi, máy cày, hóa chất chữa cháy rừng và các phương tiện khác;

Lực lượng chữa cháy được tổ chức thành các tổ, có tổ trưởng và tổ phó. Tổ trưởng phải là người nắm vững kỹ thuật, đặc điểm rừng trong khu vực và là người quyết đoán, người nhanh nhẹn, mệnh lệnh dứt khoát, rõ ràng, chính xác.

c) Hậu cần chữa cháy cần chuẩn bị: Phương tiện cơ giới, dụng cụ thủ công và bảo hộ lao động (quần áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân, thuốc, bông băng cấp cứu,...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được huy động tại địa phương, đảm bảo cung cấp nước uống và thực phẩm cho lực lượng chữa cháy.

3. Ưu tiên cứu người, cứu tài sản; mọi nguồn nước, chất chữa cháy phải được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy rừng. Bảo đảm tính công bằng, bình đẳng giới trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật.

Điều 13. Biện pháp giới hạn đám cháy, chữa cháy rừng

1. Khi xảy ra cháy rừng trong điều kiện thời tiết hạn kiệt, vật liệu trong rừng khô, độ ẩm vật liệu từ 20% trở xuống

a) Tạo ngay băng trắng đón đầu ngọn lửa theo một cự ly sao cho phù hợp, thi công xong trước khi ngọn lửa tràn đến. Trên băng, phải dọn và vun hết vật liệu cháy vào giữa băng và cho đốt hết vật liệu đó trên băng;

b) Cự ly của hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy quy định như sau:

Nếu gió nhẹ thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 20 - 30m;

Nếu gió lớn thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 30 - 50m.

2. Trong trường hợp có nguồn vật liệu lớn, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao, nắng nóng kéo dài, gió thổi mạnh, ngay cả cây còn sống cũng có độ ẩm thấp, dễ bắt lửa, khi chữa cháy phải làm băng cản lửa dự phòng để ngăn chặn hoặc làm giảm tốc độ lan tràn của lửa theo hướng gió chính.

3. Một số quy định khi xây dựng đường băng cản lửa

a) Lợi dụng tối đa các đặc điểm tự nhiên như: Sông, suối, đường phân lô, phân khoảnh, đường giao thông nội bộ, đường vận động...;

b) Đối với rừng đặc dụng, rừng cảnh quan không được xây dựng đường băng trắng cản lửa;

c) Đối với rừng trồng có độ dốc trên 25° không được làm đường băng trắng;

d) Đối với rừng trồng có độ dốc dưới 25° chỉ được xây dựng băng trắng trong 01 - 02 năm đầu khi chưa có điều kiện xây dựng các băng xanh cản lửa;

đ) Xây dựng các đai cây xanh phòng cháy xung quanh hoặc dọc theo các đường băng cản lửa;

e) Các đường băng cản lửa phải được khép kín.

4. Một số biện pháp chữa cháy rừng

a) Khi xảy ra cháy rừng phải huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy;

b) Biện pháp chữa cháy rừng trực tiếp là sử dụng tất cả các phương tiện, công cụ từ thủ công đến cơ giới hiện đại tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa; thường áp dụng đối với đám cháy có diện tích nhỏ hoặc cháy thấp trên bề mặt đất;

c) Biện pháp chữa cháy rừng gián tiếp là dùng lực lượng và phương tiện để cô lập đám cháy, thường áp dụng cho đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan truyền nhanh và diện tích khu rừng cần bảo vệ lớn, cụ thể: dùng băng trắng cản lửa, băng đốt trước;

d) Kết hợp biện pháp kỹ thuật chữa cháy rừng trực tiếp và biện pháp kỹ thuật chữa cháy rừng gián tiếp;

đ) Trường hợp hiện trường cháy rừng có vật liệu nổ (đạn, bom, mìn,...) còn sót lại sau chiến tranh, người chỉ huy chữa cháy ngay lập tức chỉ đạo lực lượng chữa cháy tránh xa khu vực cháy, không được dùng phương pháp dập lửa trực tiếp hoặc phương pháp đốt ngược để chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn tính mạng con người. Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, làm đường băng trắng trước hướng lan truyền của đám cháy; khoảng cách từ đường băng trắng đến đám cháy và độ rộng của đường băng trắng tùy thuộc vào địa hình, tốc độ lan truyền của đám cháy do người chỉ huy chữa cháy quyết định;

e) Trường hợp chữa cháy rừng vào ban đêm, căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy lực lượng chữa cháy quyết định biện pháp chữa cháy phù hợp, cụ thể:

Điều kiện cấp thực bì lớn, địa hình phức tạp, lực lượng, phương tiện, thiết bị không đảm bảo và nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người chữa cháy, áp dụng biện pháp chữa cháy gián tiếp;

Điều kiện cấp thực bì nhỏ, địa hình tương đối bằng phẳng, lực lượng, phương tiện, thiết bị đảm bảo, áp dụng biện pháp chữa cháy trực tiếp;

g) Các biện pháp chữa cháy khác.

Điều 14. An toàn lao động khi chữa cháy rừng

Khi chữa cháy rừng phải thực hiện đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy; lực lượng chữa cháy phải chuẩn bị đủ

nước uống, bông, băng, thuốc bỏng, cáng và các dụng cụ cấp cứu khác. Trường hợp bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu. Nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải lập biên bản để có cơ sở giải quyết theo quy định hiện hành.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 15. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ và đột xuất về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố.

Điều 16. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp ngân sách hiện hành, đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Điều 17. Sở Y tế

Khi nhận được tin báo cháy rừng, Sở Y tế có trách nhiệm bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo y tế tại địa điểm xảy ra cháy rừng.

Điều 18. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; đồng thời hướng dẫn thủ tục, trình tự và thành phần hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị thương, hy sinh hoặc bị thiệt hại khi tham gia chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Công an thành phố

1. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với lực lượng Kiểm lâm hướng dẫn việc xây dựng, thực tập Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, tham gia thẩm duyệt dự án, thiết kế và Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, hướng dẫn mua sắm, trang bị các phương tiện chuyên dùng về phòng cháy, chữa cháy rừng; phối hợp kiểm tra hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng; tham gia cứu chữa các vụ cháy rừng và chỉ huy việc chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

3. Phát hiện, tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan Kiểm lâm những thông tin có liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý và bảo vệ rừng của cơ quan Kiểm lâm về tình hình tội phạm và kết quả điều tra, xử lý các vụ án.

4. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ cho công chức Kiểm lâm làm công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 20. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

1. Tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị nắm vững và chấp hành nghiêm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng. Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; chấp hành nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng ở nơi đóng quân; tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có trường hợp xảy ra cháy rừng theo lệnh huy động người có thẩm quyền ở nơi đóng quân.

2. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm kiểm tra, xử lý kịp thời đối với những đơn vị, chiến sĩ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 21. Chi cục Kiểm lâm

1. Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chương trình, kế hoạch, phương án, đề án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng.

3. Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

4. Đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Tuyên truyền, vận động Nhân dân phòng cháy, chữa cháy rừng. Hướng

dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Thông báo cấp dự báo cháy rừng đến các cơ quan, đơn vị có liên quan khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III trở lên trong các tháng mùa khô trên địa bàn toàn thành phố.

7. Quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý của mình; chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở.

Điều 22. Các cơ quan thông tin đại chúng

1. Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng là lực lượng nòng cốt trong công tác tổ chức phổ biến kiến thức, tuyên truyền các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động và phối hợp với Chi cục Kiểm lâm thông báo kịp thời các bản tin cấp dự báo cháy rừng trong suốt các tháng mùa khô.

Điều 23. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có rừng

1. Trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy và huy động, điều phối, phân công các lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư và nguồn lực để tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý. Trong trường hợp, khi chưa có mặt người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền có mặt tại hiện trường vụ cháy là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

2. Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận các thông tin dự báo, cảnh báo cháy rừng từ Chi cục Kiểm lâm thành phố; Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm để thông tin triển khai đến Nhân dân trên địa bàn được biết; Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Tổ chức kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy theo chế độ định kỳ và đột xuất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 50 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

4. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng một cách thường xuyên, liên tục sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân nơi có rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức quán triệt cho Nhân dân học tập các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ rừng; hướng dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Tổ chức giao ban định kỳ, thống kê, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương

quản lý.

Điều 24. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có hoạt động ở trong rừng và ven rừng

1. Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Đôn đốc nhắc nhở các thành viên trong phạm vi quản lý của mình thực hiện quy định, nội quy, các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Phát hiện cháy, báo cháy và tham gia chữa cháy rừng.

4. Phối hợp với chủ rừng, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng.

5. Tham gia các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, tích cực tham gia chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện dự án phát triển rừng trong phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Cơ quan lập dự án phát triển rừng có trách nhiệm sau

a) Bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy rừng khi lập dự án phát triển rừng;

b) Giám sát quá trình thực hiện dự án phát triển rừng và thi công xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Tham gia nghiệm thu dự án phát triển rừng và các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm sau

a) Tổ chức thực hiện dự án phát triển rừng, thi công xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng theo đúng dự án, thiết kế đã được phê duyệt;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát thi công và nghiệm thu dự án phát triển rừng và công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Đơn vị thực hiện dự án phát triển rừng, thi công xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện dự án phát triển rừng, thi công công trình phòng cháy, chữa cháy rừng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;

b) Bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thực hiện dự án phát triển rừng và thi công công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm sau:

a) Xem xét và trả lời về các giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với dự án phát triển rừng, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo công trình phòng cháy, chữa

cháy rừng;

b) Kiểm tra việc thực hiện những yêu cầu, quy định về phòng cháy và chữa cháy, xử lý các vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Cơ quan Kiểm lâm tham gia nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án phát triển rừng và công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 26. Trách nhiệm về phòng cháy và chữa cháy rừng của Chủ rừng

1. Trách nhiệm của chủ rừng là tổ chức

a) Tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, ban hành các quy định, nội quy và biện pháp về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi rừng mình quản lý;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực rừng mình quản lý;

d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy, chữa cháy rừng; phối hợp huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; thành lập, quản lý và duy trì hoạt động của tổ, đội phòng cháy, chữa cháy rừng;

đ) Kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; đề xuất xử lý các hành vi vi phạm quy định, nội quy về phòng cháy, chữa cháy rừng và tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng theo thẩm quyền;

e) Đầu tư xây dựng công trình, trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng;

g) Bảo đảm kinh phí đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

h) Báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, thông báo kịp thời cho cơ quan Kiểm lâm sở tại, cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và cơ quan quản lý trực tiếp những thay đổi có liên quan đến bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý;

i) Phối hợp với các chủ rừng khác, chính quyền địa phương sở tại, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình lân cận;

k) Thực hiện các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

l) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

2. Trách nhiệm của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

a) Tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; đề xuất xử lý các hành vi vi phạm quy định, nội quy về phòng cháy, chữa cháy rừng và tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Đầu tư trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định;

d) Bảo đảm kinh phí đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

đ) Phối hợp với các chủ rừng khác, chính quyền sở tại, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình lân cận;

e) Thực hiện các hoạt động phòng cháy và chữa cháy khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

g) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

Điều 27. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sinh sống, hoạt động ở trong rừng và ven rừng

1. Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Đôn đốc nhắc nhở các thành viên trong gia đình thực hiện quy định, nội quy, các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Phối hợp với chủ rừng, các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng.

4. Tham gia các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng khi được phép sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, các thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt và bảo quản, sử dụng chất cháy trong rừng và ven rừng.

6. Ngăn chặn và báo kịp thời khi phát hiện nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy rừng và hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng; báo cháy và chữa cháy kịp thời khi phát hiện cháy và chấp hành nghiêm lệnh huy động tham gia chữa cháy rừng.

Chương V

KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 28. Đối tượng, nội dung và mức chi cho người tham gia chữa cháy rừng

1. Đối tượng, nội dung, mức chi cho người tham gia chữa cháy rừng theo lệnh huy động, điều động của cấp có thẩm quyền thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 45 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

2. Cách tính ngày lương tối thiểu vùng được xác định bằng mức lương tối thiểu vùng theo tháng áp dụng đối với người lao động làm việc trên địa bàn do Chính phủ quy định tại thời điểm thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chia cho 26 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định điều động, huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng do cấp huy động. Chủ rừng có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho lực lượng do chủ rừng huy động.

Điều 29. Kinh phí phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

2. Kinh phí bảo đảm các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị kiêm nhiệm của Quân đội, các chủ rừng là cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước và các địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc có công phát hiện, ngăn chặn những hành vi phá hoại, khắc phục và hạn chế những thiệt hại do cháy rừng gây ra sẽ được khen thưởng theo quy định.

2. Xử lý vi phạm: Tổ chức, cá nhân nếu vi phạm quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này, tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Trường hợp những quy định của pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Quy định này bị điều chỉnh hiệu lực thì áp dụng theo quy định mới đang có hiệu lực.

4. Các địa phương, các ngành liên quan, các chủ rừng nếu để rừng bị cháy do không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quy định này thì tùy theo mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.